

Bản án số: **667/2025/HS-PT**
Ngày: 17 – 12 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Thanh Bình

Các Thẩm phán: Ông Vũ H1 Luyến

Ông Nguyễn Đình Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Tú – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 524/2025/TLPT-HS ngày 10/11/2025 đối với các bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị V do có kháng cáo của hai bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 10/2025/HS-ST ngày 29/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Đồng Nai.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1978 tại Đồng Nai; Giới tính: Nữ; Nơi cư trú: ấp P, xã T (ấp 3, xã P1, huyện T cũ), tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1930 (đã chết) và bà Đồng Thị K, sinh năm 1939 (đã chết); CH1: không có; Con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: không;

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/9/2024 đến ngày 17/3/2025 thay thế bằng biện pháp Bảo lãnh.

2. Họ và tên: **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1973 tại Bến Tre; Giới tính: Nữ; Nơi cư trú: tổ 8, ấp 1, xã T1 (xã Phú Thịnh, huyện T cũ), tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ học vấn: 4/12; Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1930 (đã chết) và bà Đồng Thị K, sinh năm 1939 (đã chết); CH1: Nguyễn H1 P2, sinh năm 1969; Con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1995; Tiền án, tiền sự: không;

Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/01/2025.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

* **Bị hại:** Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1985. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Làng Le 1, xã Ia Krêl (xã Ia Lang, huyện Đức Cơ cũ), tỉnh Gia Lai.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1981. Địa chỉ: ấp P, xã T (ấp 3, xã P1, huyện T cũ), tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị H1 trú tại ấp P, xã T (ấp 3, xã P1, huyện T cũ), tỉnh Đồng Nai, có mối quan hệ là vợ chồng. Quá trình chung sống, Th và H1 có nhờ bà Nguyễn Thị Ngọc D (chị dâu của Th) đứng tên chơi hụi giúp vợ chồng Th. Sau khi hốt hụi thì giữa H1 và Th phát sinh mâu thuẫn nên H1 đi đến tỉnh Gia Lai làm ăn. Trong khoảng thời gian này, Th và H1 không đóng tiền hụi nên chủ hụi gặp bà D đòi tiền dẫn đến việc gia đình Th bức xúc với H1.

Khoảng 14 giờ ngày 29/9/2024, H1 trở về nhà gặp Th để nói chuyện giải quyết vấn đề tiền hụi và khoản nợ vay ngân hàng. Quá trình nói chuyện giữa hai bên phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cự cãi, Th dùng tay tát từ phía sau một cái vào vùng mặt của H1, bị đánh H1 ôm mặt còn Th lấy điện thoại di động tại túi quần phía sau của H1 đập xuống đất rồi đổ giỏ xách của H1 để tìm điện thoại và giấy tờ cá nhân của Th nhưng không thấy nên lấy điện thoại di động, một cục sạc điện thoại dự phòng, 01 chìa khóa thông minh của H1 ném xuống lỗ giếng khoan rồi bỏ đi ra sau vườn. Lúc này, sau khi được Nguyễn Thị V (chị ruột Th) gọi điện thoại thông báo H1 đã về nhà nên Nguyễn Thị L (em gái V và là chị ruột Th) đi đến nhà Th để tìm H1 nói chuyện. Khi thấy H1 đang ngồi phía trước hiên nhà, L đi đến chửi H1 về chuyện tiền bạc và cho rằng H1 có hành vi nói xấu L trên mạng xã hội. Sau đó L dùng hai tay tát vào vùng mặt của H1, bị đánh liên tiếp H1 đưa hai tay lên ôm đầu để chống đỡ, khi thấy H1 kéo tay áo khoác bên trái xuống để chỉnh lại bộ vòng kim loại màu vàng thì L xông đến dùng tay kéo bộ vòng vàng ra rồi tiếp tục dùng tay giật sợi dây chuyền kim loại màu vàng và 01 đôi bông tai kim loại màu vàng của H1. Khi lấy được tài sản, L cầm sổ trang sức kim loại màu vàng trên tay, lúc này Nguyễn Thị V nhìn thấy có 01 chiếc vòng tay kim loại màu vàng của H1 rơi ở hiên nhà nên nhặt lên và đưa cho L, sau đó L bỏ sổ trang sức vào bọc ni lông rồi đưa cho V cất giữ. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, do lo sợ tiếp tục bị gia đình Th đánh nên Nguyễn Thị H1 đến Công an xã P1 trình báo sự việc.

Vật chứng vụ án: 01 bộ vòng gồm 10 chiếc vòng kim loại màu vàng; 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng; 01 đôi bông tai kim loại màu vàng.

Tại Kết luận giám định số 6133/KL-KTHS ngày 08/10/2024 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- 10 chiếc vòng bằng kim loại màu vàng, khối lượng: 39,3015 gam được niêm phong gửi đến giám định có thành phần kim loại chủ yếu là Bạc (Ag): 92,46%, Đồng (Cu): 3,79%.

- 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, khối lượng: 24,6416 gam được niêm phong gửi đến giám định có thành phần kim loại chủ yếu là Bạc (Ag): 96,90%, Đồng (Cu): 0,87%.

- 01 đôi bông tai bằng kim loại màu vàng, khối lượng: 2,8812 gam được niêm phong gửi đến giám định có thành phần kim loại chủ yếu là Bạc (Ag): 95,03%, Đồng (Cu): 1,36%.

Tại Kết luận định giá tài sản số 56/KL-HĐĐGTS ngày 25/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận:

- 10 chiếc vòng bằng kim loại màu vàng, khối lượng 39,3015 gam được niêm phong gửi đến giám định có thành phần kim loại chủ yếu là Bạc (Ag): 92,46%, Đồng (Cu): 3,79%. Có giá trị 1.260.000 đồng.

- 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, khối lượng 24,6416 gam được niêm phong gửi đến giám định có thành phần kim loại chủ yếu là Bạc (Ag): 96,90%, Đồng (Cu): 0,87%. Có giá trị 828.000 đồng.

- 01 đôi bông tai bằng kim loại màu vàng, khối lượng 2,8812 gam được niêm phong gửi đến giám định có thành phần kim loại chủ yếu là Bạc (Ag): 95,03%, Đồng (Cu): 1,36%. Có giá trị 95.000 đồng.

- Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 2.183.000 đồng (hai triệu một trăm tám mươi ba nghìn đồng).

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2025/HS-ST ngày 29/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Đồng Nai quyết định:

Căn cứ Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị V phạm tội “Cướp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị L 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/9/2024 đến ngày 17/3/2025.

Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị V 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo.

Ngày 29/7/2025, bị cáo Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:

Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của hai bị cáo L và V phù hợp về nội D, hình thức và trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về nội D: Bản án sơ thẩm tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị V phạm tội “Cướp tài sản”, Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị L 03 (ba) năm tù; Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị V 01 (một) năm tù là đúng pháp luật, phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của các bị cáo. Các bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo nhưng tại cấp phúc thẩm, các bị cáo không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì mới, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị V làm trong hạn luật định, đúng quy định pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị V thừa nhận hành vi phạm tội như mô tả tại bản án sơ thẩm; các bị cáo xác định không bị oan sai, đồng thời trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử ở cấp sơ thẩm các bị cáo không bị ép cung hoặc dùng nhục hình, lời khai của các bị cáo hoàn toàn chính xác và tự nguyện. Do đó, bản án sơ thẩm là đúng người, đúng tội.

[3] Về nội D kháng cáo: bị cáo Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị V kháng cáo xin được giảm nhẹ và xin được hưởng án treo, xét thấy:

Các bị cáo Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị V không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, trình độ học vấn thấp, bị cáo L không biết chữ nên nhận thức pháp luật hạn chế, cấp sơ thẩm đã áp dụng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và xử phạt hai bị cáo mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của hai bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo L.

Đối với bị cáo V chỉ có vai trò giúp sức, cả hai bị cáo là chị em ruột, hành vi phạm tội bộc phát không có bàn bạc gì, bị cáo V không dùng vũ lực hay đe dọa dùng vũ lực đối với bị hại, không trực tiếp lấy tài sản của bị hại, tuy nhiên khi chứng kiến thấy L đánh bị hại và lấy tài sản của bị hại bị cáo V đã giúp L nhặt chiếc bông tai của bị hại rơi dưới đất đưa cho L và giúp L cất giữ tài sản lấy được của bị hại mà không từ chối hay nộp ngay cho công an hay trả lại cho bị hại cho

đến khi được mời lên công an làm việc V mới mang lên giao nộp cho công an. Các bị cáo L, V là chị em ruột của bị hại do có mâu thuẫn về tiền bạc trong gia đình nên mới xảy ra sự việc như nội D vụ án, bị cáo V có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian tại ngoại không vi phạm pháp luật. Từ các nhận định trên, xét không cần thiết cách ly bị cáo V ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo cũng có tác dụng giáo dục, phòng ngừa, vì vậy HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị cáo V, sửa án sơ thẩm theo hướng cho bị cáo V được hưởng án treo.

[4] Do chấp nhận kháng cáo nên bị cáo V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, bị cáo L phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[5] Đối với các nội D khác trong Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2025/HS-ST ngày 29/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Đồng Nai không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa đề nghị y án sơ thẩm không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm b khoản 01 Điều 355, 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị L, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị V, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 10/2025/HS-ST ngày 29/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị L 03 (ba) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/9/2024 đến ngày 17/3/2025.

Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 54, Điều 65 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị V 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo**, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Đều về tội “Cướp tài sản”.

Giao bị cáo Nguyễn Thị V cho UBND nơi cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi làm việc thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị V mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo L phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của Quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2025/HS-ST ngày 29/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Đồng Nai không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp tỉnh, khu vực;
- TAND cấp sơ thẩm;
- Sở tư pháp;
- Công an cấp quận, huyện;
- Phòng PV06 – Công an tỉnh;
- Nhà tạm giữ/Trại tạm giam;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký tên và đóng dấu)
Thái Thị Thanh Bình